

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/DS-ST  
Ngày 16-11-2018  
V/v: “*Kiện đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc “*Kiện đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: TDP số 2, thị trấn D, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm 6, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018).

*Bị đơn:* Chị Trần Thị U, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

*Người làm chứng:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: TDP số 2, thị trấn D, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

(Có mặt chị H; vắng mặt chị T, chị L có lý do, chị U không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2018, bản tự khai ngày 07 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ anh em họ Hng với nhau, chồng chị Nguyễn Thị T là cậu họ của chị Trần Thị U nên chị T đã tin tưởng cho chị U vay tiền để chị U lấy vốn làm ăn buôn bán. Ngày 24/12/2012, chị T đã cho chị U vay số tiền là 150.000.000đ, có chị Phạm Thị L là chị gái của chồng chị T làm chứng. Chị T giao tiền cho chị L, sau đó chị L giao tiền cho chị U nhận 150.000.000đ tại nH chị T. Chị U đã viết giấy vay nợ ký tên chị U đưa cho chị T giữ, lãi suất thỏa Uận miệng. Hai bên thỏa Uận thời hạn vay là 3 tháng, chị U sẽ trả cho chị T cả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, hết thời hạn 3 tháng, chị U vẫn không trả tiền nợ gốc và lãi cho chị T. Chị T đã đòi nợ chị U nhiều lần nhưng chị U vẫn khất lần, không có thiện chí trả nợ. Do đó, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị U phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 150.000.000đ, chị T không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 12 tháng 9 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu đã giao cho chị Trần Thị U là bị đơn nhận Thông báo thụ lý vụ án số 44/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà chị T đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Theo quy định của pháp luật, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án, người được thông báo phải nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có). Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Toà án nêu rõ lý do để Toà án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến gì đối với các yêu cầu của người khởi kiện, thì Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhưng hết thời hạn nói trên và cho đến nay, chị U vẫn không có bản tự khai ghi ý kiến của mình giao nộp cho Toà án. Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 cho chị U nhưng chị U vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án không ghi được lời khai của chị U và không tiến Hnh hoà giải giữa hai bên đương sự được. Vì vậy chị U đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị U vắng mặt không có lý do, chị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của nguyên đơn đã trình bày ở trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn đã có giấy ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H tham gia tố tụng tại Tòa án; Chị Trần Thị U là bị đơn đã

được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, chị U theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện “kiện đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 166; 466; 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án Uộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị U đã hợp đồng vay số tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của chị Nguyễn Thị T là có thật và phù hợp với pháp luật. Việc vay nợ giữa chị U và chị T được chứng minh bằng giấy vay tiền do chị U viết và lời khai của người làm chứng chị Phạm Thị L đã chứng kiến việc chị T cho chị U vay tiền, đến nay chị U vẫn chưa thanh toán trả cho chị T số tiền nói trên và không có ý kiến gì về việc chị T khởi kiện. Qua đó chứng tỏ chị U mặc nhiên thừa nhận là chị có vay nợ số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của chị T chưa thanh toán. Đến nay chị U không có chứng cứ gì để chứng minh về việc chị đã thanh toán trả số tiền vay nợ nói trên cho chị T. Trong giấy vay tiền chị U có ghi “Ngày 24/12/2012 chị U có vay của chị T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), cam kết trong vòng 3 tháng sẽ hoàn trả số tiền gốc, tiền lãi, sẽ thanh toán 10 ngày một lần, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tiền trên nếu không hoàn trả đầy đủ”, đối chiếu với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy chị U đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do thời hiệu khởi kiện đã hết nên theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đã hết nên chị T chỉ có quyền kiện đòi lại số tiền đã cho vay. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị U phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị T số tiền vay nợ gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất: Do thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đã hết, chị T chỉ có quyền kiện đòi lại tài sản. Tại bản tự khai của chị T và lời trình bày của chị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu chị U phải thanh toán trả lãi suất nên về lãi suất Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc chị Trần Thị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ hoàn trả lại cho chị T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 166; 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T kiện đòi lại tài sản đối với chị Trần Thị U là hợp pháp.

2. Buộc chị Trần Thị U phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho chị Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Án phí: Buộc chị Trần Thị U phải nộp 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000148 ngày 07-9-2018 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi Hình án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hình án có quyền chủ động thi Hình án) hoặc kể từ ngày người được thi Hình án có đơn yêu cầu thi Hình án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án cho đến khi thi Hình xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền Tả Uận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**Lại Văn Tùng**